



sù dù

速度

Noun · speed

Example Sentences

qì chē de sù dù hěn kuài
汽车的速度很快。

The car's speed is fast.

zhè liàng chē de sù dù hěn kuài
这辆车的速度很快。

This car's speed is very fast.

nǐ dǎ zì de sù dù zěn me zhè me kuài yǒu shén me mì jué ma
你打字的速度怎么这么快，有什么秘诀吗？

How come your typing speed is so fast? Do you have any secrets?

Trace each character, then write the word on your own.

速	速	速	速	速	速	速	速	速	速	速
速	速									

度	度	度	度	度	度	度	度	度	度	度
度										